TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 270/2019/DS-ST
Ngày: 20- 9- 2019
V/v tranh chấp Đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Trường.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hữu Đức- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1969, cư trú Trung T thương mại Phú M, thuộc ấp Tr 1, thị trấn Phú M, Phú T, An Giang.

- Bị đơn: Trần Thị H, sinh năm 1970 và Đặng Văn T, sinh năm 1970, cùng cư trú ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, Phú T, An Giang.

Bà Tuyết H và bà Thị H có mặt. Ông T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (bút lục số 09), bản tự khai, biên bản lấy lời khai (bút lục số 28) và biên bản về việc thỏa thuận số tiền lãi đã trả (bút lục số 31) và lời khai tại phiên tòa thì bà Lê Thị Tuyết H trình bày:

Bà Tuyết H cho vợ, chồng bà Thị H và ông T vay tiền như sau:

- Ngày 12- 02- 2012 al: Bà H vay 70.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 02 al 2013 thì ngưng và số tiền vốn vẫn còn thiếu.

- Ngày 20- 3-2012 al: Bà H vay 20.000.000đ lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 02 al 2013 thì ngưng và số tiền vốn vẫn còn thiếu.

- Ngày 17- 6- 2012 al: Bà H nhận vay 200.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 02 al 2013 thì ngưng và số tiền vốn vẫn còn thiếu.

- Ngày 02- 7- 2014 al: Chồng bà H là ông T nhận vay 200.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do ông T viết và ký tên. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 12 al 2015 thì ngưng và số tiền vốn vẫn còn thiếu.

- Ngày 24-8-2015 al: bà H nhận vay 200.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên. Sau khi vay có trả tiền lãi đến tháng 02 al 2016 thì ngưng và số tiền vốn vẫn còn thiếu.

- Tổng 05 lần vay là 690.000.000đ. Yêu cầu vợ chồng bà Thị H, ông T phải trả dứt điểm số tiền 690.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi.

Theo biên bản lấy lời khai (bút lục số 30), biên bản về việc thỏa thuận số tiền lãi đã trả (bút lục số 31) và lời khai tại phiên tòa thì bà Trần Thị H trình bày: Bà và chồng là Đặng Văn T có thiếu tiền vay của bà Tuyết H như sau:

- Ngày 12- 02- 2012 al: Bà H vay 70.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên.

- Ngày 20- 3- 2012 al: Bà H vay 20.000.000đ lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên.

- Ngày 17- 6- 2012 al: Bà H nhận vay 200.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên.

- Ngày 02- 7- 2014 al: Chồng là ông T nhận vay 200.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do ông T viết và ký tên.

- Ngày 24- 8- 2015 al: bà H nhận vay 200.000.000đ, lãi suất 2,5%/ tháng có biên nhận do bà H viết và ký tên.

- Tổng 05 lần vay 690.000.000đ. Sau khi vay bà Thị H trực tiếp trả tiền lãi đầy đủ cho bà Tuyết H nhận đến ngày 22-02-2016 al, lúc bấy giờ tổng số tiền lãi phải trả 115.750.000đ. Trong đó tiền lãi phải trả của 7 tháng đối với số tiền vốn 490.000.000đ là 85.750.000đ và 6 tháng tiền lãi phải trả đối với số tiền vốn 200.000.000đ là

30.000.000đ. Lúc đó vào ngày 22-02-2016 không có đủ tiền trả 115.750.000đ, vì vậy chỉ trả được 50.000.000đ, số còn lại 65.750.000đ đến nay vẫn còn thiếu và chấm dứt trả tiền lãi kể từ đây, đồng thời số tiền vốn 690.000.000đ đến nay vẫn còn thiếu. Như vậy số tiền lãi đã trả của các lần vay trên đây mà trước đó đã trả đều do chị Tuyết H nhận, không có giấy tờ và người khác chứng kiến. Riêng số tiền lãi đã trả lần cuối 50.000.000đ vào ngày 22-02-2016 và còn thiếu lại 65.750.000đ thì chị Tuyết H có ghi vào tờ giấy lịch, trong đó có sữa các số sau đây:

- Các từ: " 7 tháng". Có sữa số 7.

- Các từ: " 2016" có sữa số 6.

Các số trên đây là do chị Tuyết H sữa.

Yêu cầu: Số tiền lãi từ khi ngưng trả đến nay yêu cầu xin. Riêng số tiền vốn 690.000.000đ, yêu cầu được trả vào các mùa vụ (mỗi năm 03 vụ), mỗi vụ trả 20.000.000đ đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1}- Về hình thức thủ tục tố tụng:

{1.1) - Bà Thị H và ông T đã được triệu tập lần thứ nhất để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có mặt bà Tuyết H. Riêng ông T và bà Thị H đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được.

{1.2) - Bà Thị H và ông T đã được triệu tập lần thứ hai để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có mặt bà Tuyết H và bà Thị H. Riêng ông T vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được.

{ 1.3 }- Ông T đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

{2}Về nội dung:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Tuyết H với bà Thị H và ông T phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự vay tài sản. Đôi bên thống nhất sau khi vay có trả tiền lãi đến ngày 22-02-2016 thì ngưng trả đến nay và số tiền vốn vẫn còn thiếu (bút lục số 31). Như vậy từ ngày 23-02-2016 là ngày vi phạm việc trả nợ, đáng lẽ chậm nhất là 03 năm sau tức ngày 23-02-2019 bà Tuyết H phải khởi kiện, nhưng đến ngày 03-6-2019 bà mới

khởi kiện và được Tòa án thụ lý vào ngày 12-6-2019 (03 tháng 10 ngày). Theo Điều 429 Bộ luật dân sự thì bà hết quyền khởi kiện. Do đó bà kiện đòi lại tài sản tức là chỉ đòi tiền vốn chứ không đòi tiền lãi, yêu cầu của bà là phù hợp tại điểm b, khoản 3, Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03-12-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: " Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, về đòi lại tài sản, đòi lại quyến sử dụng đất, do người khác quãn lý, chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự thì không áp dụng thời hiệu khơi kiện".

Về số tiền vốn, theo biên bản lấy lời khai (bút lục các số 28, 29, 30) và biên bản thỏa thuận ngày 08-8-2019 (bút lục số 31) thì giữa bà Tuyết H với bà Thị H thống nhất tổng số tiền vốn vay hiện nay còn thiếu là 690.000.000đ. Bà Tuyết H yêu cầu vợ, chồng bà Thị H và ông T trả số tiền trên là hoàn toàn có cơ sở nghĩ nên chấp nhận và buộc ông, bà phải có trách nghiệm trả nợ.

Đối với số tiền lãi đã trả, đôi bên khai chưa thống nhất, đáng lẽ HĐXX phải làm rõ xem số riền lãi đã trả bao nhiêu, số còn lại chưa trả bao nhiêu, nhưng bà Tuyết H chỉ yêu cầu đòi số tiền vốn chứ không yêu cầu đòi tiền lãi và theo Nghị quyết trên đây qui định, do đó không xem xét về số tiền lãi mà chỉ buộc trả số tiền vốn.

{3} - Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết H được chấp nhận, vì vậy bà Thị H và ông T chịu án phí theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 34.500.000đ

{4}- Phát biểu ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩn phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đối với ông T đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Về nội dung, bà Tuyết H đòi bà Thị H và ông T trả số tiền vốn 690.000.000đ, không đòi tiền lãi là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 429 Bộ luật dân sự;

- Điểm b, khoản 3, Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Buộc bà Trần Thị H với ông Đặng Văn T cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Tuyết H số tiền 690.000.000đ (Sáu trăm, chín mươi triệu đồng chẵn).

- Về án phí DSST:

+ Bà Trần Thị H và ông Đặng Văn T phải cùng chịu án phí 31.600.000đ (Ba mươi một triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn).

+ Bà Lê Thị Tuyết H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.800.000đ (Mười lăm triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn). Theo biên lai thu số 0005840, ngày 12- 6-2019 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Lê Thị Tuyết H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị H và ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thành Dũng